

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ AN NHIÊN VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ AN NHIÊN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN NHIEN VIET TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108700462

**3. Ngày thành lập:** 17/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 12A, ngõ 122 Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0918380576

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động bảo vệ tư nhân<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ (Điều 11 Nghị định 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện) | 8010        |
| 2.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                 | 6311        |
| 3.  | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                            | 8110        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ giúp việc gia đình;<br>- Dịch vụ chăm sóc, huấn luyện động vật cảnh.                                    | 9639        |
| 5.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                              | 8121(Chính) |
| 6.  | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                  | 8129        |
| 7.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                              | 8130        |
| 8.  | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                     | 7911        |
| 9.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                              | 7912        |
| 10. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                | 7990        |
| 11. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                | 4931        |
| 12. | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                                                       | 4911        |
| 13. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                         | 4912        |
| 14. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                    | 4921        |
| 15. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                                                           | 4922        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4929 |
| 17. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5021 |
| 18. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5022 |
| 19. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5210 |
| 20. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; -<br>Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô.                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4932 |
| 21. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết: Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để<br>nghỉ tạm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5590 |
| 22. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất<br>ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách<br>đường sắt...;- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống<br>tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;- Hoạt<br>động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ<br>quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng<br>quyền.         | 5629 |
| 23. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5630 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được<br>phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8299 |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5221 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5222 |
| 28. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5510 |
| 29. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ<br>trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610 |
| 30. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên<br>với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5621 |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5229 |
| 32. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng<br>đất<br>Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 Luật kinh<br>doanh bất<br>động sản 2014);<br>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 Luật kinh doanh<br>bất động sản 2014);<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật kinh doanh bất<br>động sản 2014);<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật kinh doanh bất<br>động sản 2014). | 6820 |
| 33. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4651 |

|     |                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                     | 4652 |
| 35. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741 |
| 36. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4742 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.600.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM THE

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 14/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036184003881

Ngày cấp: 16/08/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 6, Xã Bồ Đề, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 12A, ngõ 122 Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM THE

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036184003881

Ngày cấp: 16/08/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 6, Xã Bồ Đề, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà 12A, ngõ 122 Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội